

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Liberty – Happiness

Số: 007/CBTT-ADP.2025
No.: 007/CBTT-ADP.2025

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh city, April 05th 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán nhà nước/ The State Securities Commission of Viet Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG/ A DONG PAINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/ Stock code : **ADP**
- Địa chỉ/ Address : 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh/
1387 Ben Binh Dong, Ward 15, District 8, Ho Chi Minh city
- Điện thoại liên hệ/ Tel : 028.38552689 Fax: 028.38555092
- E-mail : info@adongpaint.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of disclosure:

Công ty cổ phần Sơn Á Đông công bố thông tin/ A Dong Paint Stock Company announces information:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

- ANNUAL REPORT 2024.

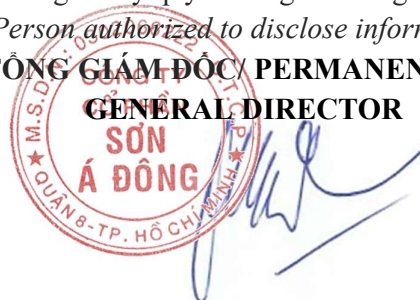
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **05/04/2025** tại đường dẫn/ This information was published on the company's website information page on 05/04/2025, at the following link: <https://adongpaint.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We guarantee that the information published here is true and take full legal responsibility for the content of the published information.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin/
Person authorized to disclose information

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/ PERMANENT DEPUTY
GENERAL DIRECTOR



LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

A DONG PAINT

WWW.ADONGPAINT.COM.VN



MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG		02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
Thông tin khái quát	05	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Quá trình hình thành và phát triển	06	Tổ chức và nhân sự	22
Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật	07	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	30
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	08	Cơ cấu cổ đông	34
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	12	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	35
Định hướng phát triển và tôn chỉ	13		
Các rủi ro	17		
03. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		04. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Đánh giá kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh	39	Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	45
Tình hình tài chính	41	Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	46
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43		
05. QUẢN TRỊ CÔNG TY		06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Hội đồng quản trị	49	Ý kiến kiểm toán	53
Ủy ban kiểm toán	51	Báo cáo tài chính được kiểm toán	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán	52		

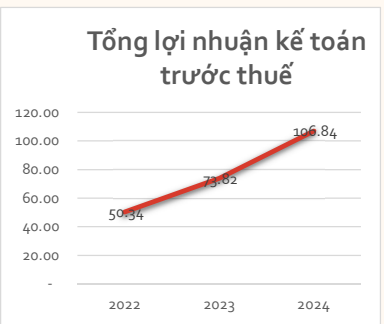
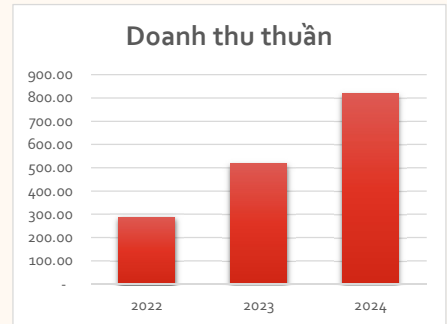
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á
CTCP	Công ty Cổ phần
CHXHCN	Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HDQT	Hội đồng quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
HTCL	Hệ thống chất lượng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng Thương mại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCT	Phó Chủ tịch
Phòng KHVT	Phòng Kế hoạch vật tư
Phòng HCNS	Phòng Hành chính nhân sự
Phòng TCKT	Phòng Tài chính Kế toán
Phòng QLSX	Phòng Quản lý sản xuất
QRM	Hệ thống Quản lý chất lượng
QTKD	Quản trị kinh doanh
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SGDs	Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMDV SX	Thương mại Dịch vụ Sản xuất
TGD	Tổng Giám đốc
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
VBL	Vốn điều lệ
XN	Xí nghiệp
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
UBKT	Ủy Ban Kiểm toán

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

2022 - 2024

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	287,39	516,21	817,85
Giá vốn hàng bán	198,24	416,67	658,33
Lợi nhuận gộp	89,15	99,54	159,52
Doanh thu hoạt động tài chính	8,59	11,34	6,20
Chi phí bán hàng	22,95	15,44	18,73
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,82	20,39	39,15
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50,41	73,84	106,90
Thu nhập khác			
Chi phí khác	0,01	0,02	0,06
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50,34	73,82	106,84
Lợi nhuận sau thuế	40,45	58,93	85,31



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	05
Quá trình hình thành và phát triển	06
Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	08
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	12
Định hướng phát triển và tôn chỉ	13
Các rủi ro	17



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

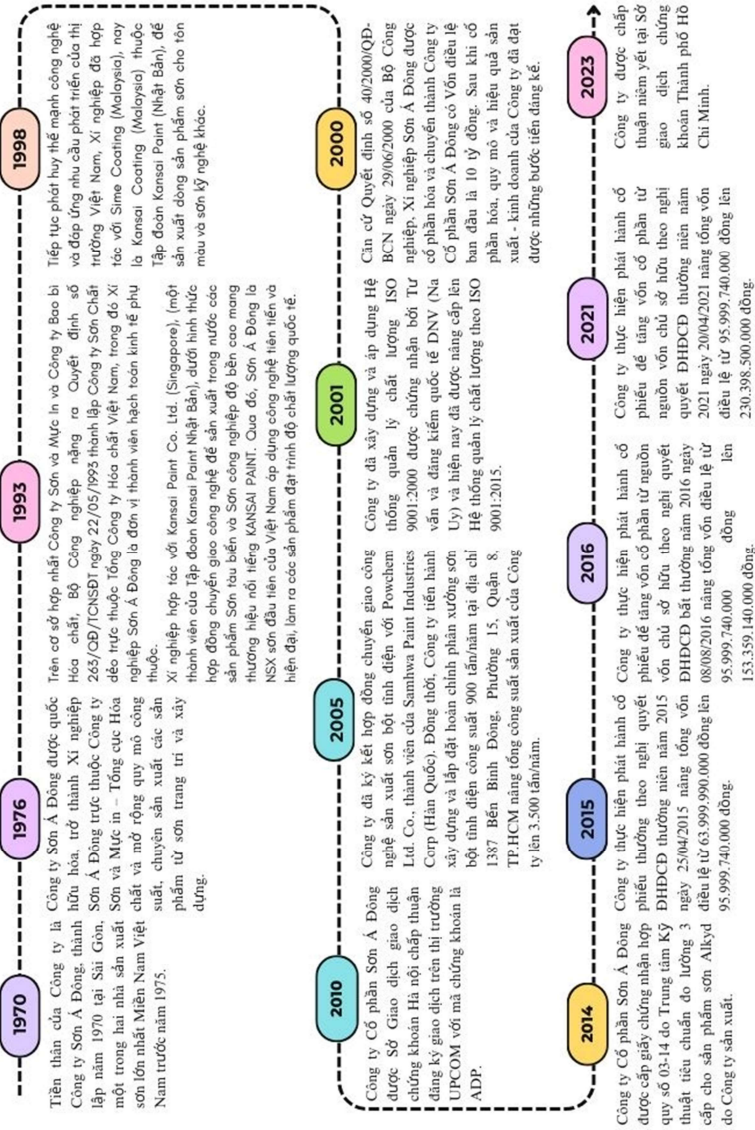
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
Tên Tiếng Anh	A DONG PAINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	ADP
Vốn điều lệ	230.398.500.000 Đồng
Trụ sở chính	1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP.HCM
Điện thoại	(028) 38552689
Fax	(028) 38555092
Website	www.adongpaint.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024 5

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024 6

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ GHI NHẬN NỔI BẬT

2005 Ngày 24/05/2005, Chủ tịch nước ký Quyết định số 626/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Công ty Cổ phần Sơn Á Đông và Huân chương Lao động hạng Ba cho Bà Nguyễn Thị Nhung - Giám đốc Công ty về thành tích xuất sắc trong công tác 2001 - 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



2010 Ngày 09/11/2010 Chủ tịch nước ký Quyết định số 1885/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Công ty Cổ phần Sơn Á Đông về thành tích xuất sắc trong công tác 2005 - 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



2014 Cờ của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng Công ty Cổ phần Sơn Á Đông 40 năm xây dựng và phát triển (1970 - 2010)



2015 Cờ của Bộ Công Thương tặng Công ty Cổ phần Sơn Á Đông Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.
- Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Sơn Á Đông phân phối sản phẩm trên phạm vi toàn quốc, bao gồm khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, còn mở rộng đến các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên, nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng của khách hàng trên khắp các vùng miền.



SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN XÂY DỰNG, TRANG TRÍ

**Sơn Alkyd Á Đông Sumo AC,
Sơn Alkyd Á Đông White Horse**

- Sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà. Màng sơn dẻo dai, độ bóng và che phủ cao, chịu đựng tốt với thời tiết và dễ dàng sử dụng, màu sắc đa dạng, ...
- Sản phẩm là một loại sơn dung môi Alkyd tổng hợp phổ thông và đa dụng dùng để trang trí; bảo vệ trên các bề mặt vật liệu bằng kim loại, gỗ, ... (các loại cửa, hàng rào, khung sắt thép trong các hạng mục xây dựng, thiết bị, ...) sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà.



Sơn Alkyd Á Đông Sumo AC



Sơn Alkyd Á Đông White Horse



Sơn nước trong nhà, Sơn nước ngoài trời

- Sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà, sử dụng dễ dàng.
- Sơn khô nhanh, màu sắc đa dạng. Màng sơn phẳng láng có độ bám tốt, bền thời tiết cao, bền màu với thời gian khả năng chịu rửa nước và chống nấm mốc rong rêu tốt.
- Sản phẩm sơn nước dùng rộng rãi cho tường, trần bên trong nhà, ngoài trời và sơn sàn cho công trình kiến trúc xây dựng như nhà riêng lẻ, nhà cao tầng...



Sơn nước trong nhà



Sơn nước ngoài trời

SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN KỸ NGHỆ

SƠN BÌNH GAS – CƠ KHÍ – THÙNG PHUY

- Màng sơn bóng đẹp, độ cứng cao, màu sắc phong phú theo yêu cầu khách hàng.
- Tính năng kháng hóa chất, dầu mỡ và dung môi cao, dễ sử dụng, màng sơn bền dẻo và chịu va đập tốt.
- Sản phẩm Alkyd melamin dùng sơn phủ hoàn thiện cho nhiều loại bề mặt, đặc biệt là bề mặt thép như thùng phuy, bình gas, bao bì kim loại, sản phẩm cơ khí và dụng cụ gia dụng khác trước khi xuất xưởng.



Sơn Bình Gas – Cơ khí – Thùng Phuy



Sơn Tôn cuộn màu

SƠN TÔN CUỘN MÀU

- Có nhiều dòng sản phẩm và chủng loại đáp ứng đa dạng mục đích sử dụng trong ngành Tôn mạ trong và ngoài nước.
- Màng sơn có tính mềm dẻo tốt - định hình cao, giữ được độ bóng lâu dài, bền màu và bền thời tiết cao. Chịu được tính năng chống ăn mòn và lý - hóa tuyệt vời.
- Sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (ASTM, JIS, ISO, ...), dùng cho dây chuyền sơn cuộn để sản xuất tôn mạ màu sử dụng rộng rãi trong các công trình dân dụng và công nghiệp: làm tấm lợp, vách ngăn, tường rào, cửa màn, mái hiên (nhà thép tiền chế, nhà xưởng, nhà máy thủy nhiệt điện, ...) và thiết bị dụng cụ gia dụng.

SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN XÂY DỰNG, TRANG TRÍ

SƠN TÀU BIỂN CÔNG TRÌNH

Sơn được sử dụng cho các Công trình:

- Công trình dầu khí
- Công trình nhà máy, nhà xưởng, công trình công nghiệp
- Công trình điện - thủy điện
- Công trình giao thông: cầu, cảng
- Công trình viễn thông
- Công trình đường ống, bồn bể
- Sản phẩm cơ khí, máy móc, thiết bị, dụng cụ kim loại. Sơn mới, bảo trì các loại tàu sông.



Sơn Epoxy



Sơn Tàu biển

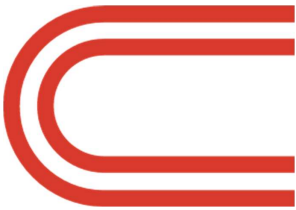


Sơn Poly Urethane



Sơn công trình

Hệ thống sơn nhiều chủng loại đa dạng đáp ứng nhiều mục đích sử dụng. Sản phẩm chịu đựng tốt với nước biển, dầu và hóa chất. Màng sơn dẻo dai, chịu va đập và mài mòn tốt, tương thích với các hệ sơn Epoxy chống ăn mòn, dễ dàng sử dụng. Các dòng sơn phủ có ưu điểm chịu đựng thời tiết và duy trì độ bóng cực tốt.



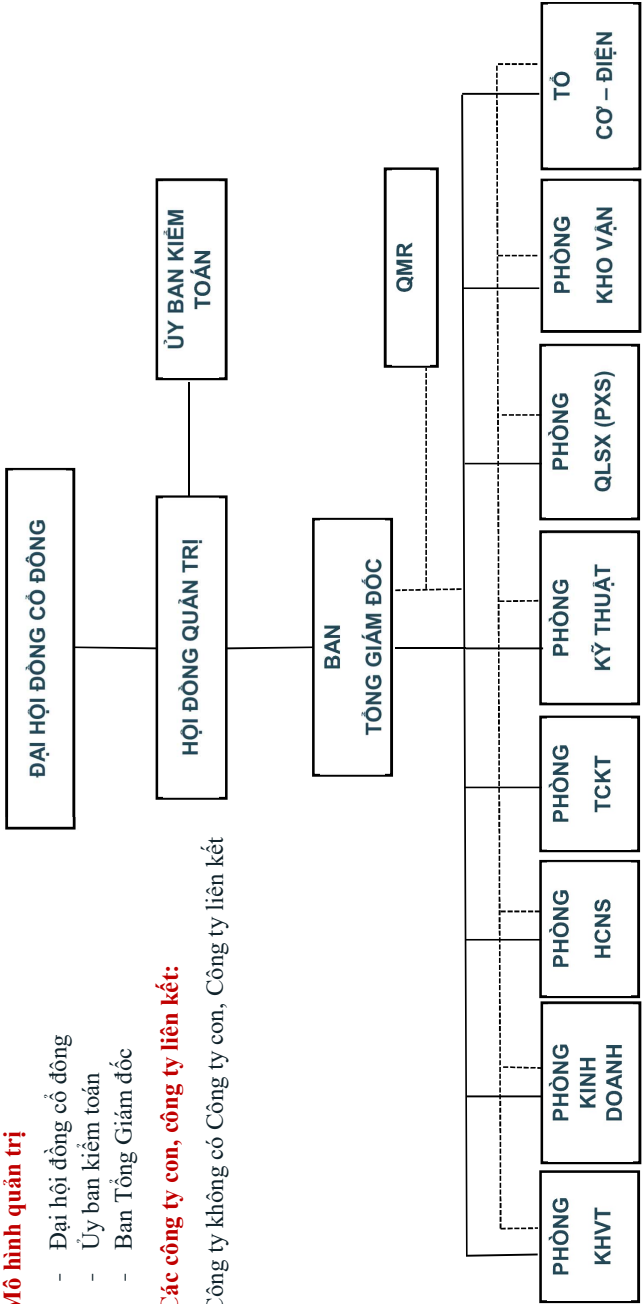
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông
- Ủy ban kiểm toán
- Ban Tổng Giám đốc

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ TÔN CHỈ

SỨ MỆNH VÀ TÂM NHÌN

SỨ MỆNH



Son Á Đông cam kết đổi mới không ngừng để cung cấp những sản phẩm chất lượng cao với giá thành hợp lý cho người tiêu dùng nhằm mang lại không gian sống đẹp, bền vững, bảo vệ công trình và tạo giá trị bền vững cho cộng đồng. Đồng thời, chúng tôi luôn hướng đến việc tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và mang lại môi trường làm việc tốt nhất, đầy cảm hứng cho đội ngũ nhân viên.

TÂM NHÌN



Tầm nhìn chiến lược của Son Á Đông là trở thành biểu tượng tiên phong trong ngành sơn tại Việt Nam, khẳng định vị thế dẫn đầu bằng chất lượng vượt trội và sự sáng tạo không ngừng. Son Á Đông cam kết mang đến những sản phẩm và giải pháp đột phá, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, từ thẩm mỹ, độ bền cho đến tính thân thiện với môi trường. Trên cơ sở không ngừng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, thúc đẩy sự đổi mới trong từng sản phẩm. Bên cạnh đó, chúng tôi chú trọng xây dựng một thương hiệu vững mạnh và sự đồng hành lâu dài cùng khách hàng, nhân viên và cổ đông. Chúng tôi đặt mục tiêu không chỉ vượt qua mong đợi của thị trường mà còn góp phần nâng tầm ngành sơn trong nước, dẫn dắt ngành công nghiệp sơn Việt Nam vươn xa, khẳng định vị thế và uy tín trên trường quốc tế.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ TÔN CHỈ

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

ADP luôn nỗ lực là một tổ chức có trách nhiệm xã hội, luôn tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển.



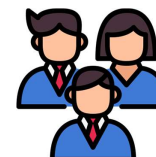
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

ADP luôn đặt khách hàng lên hàng đầu, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự thành công của doanh nghiệp. ADP cam kết cung cấp những sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý nhất để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Mỗi thành viên trong Công ty là một giá trị. ADP là môi trường giúp các thành viên phát huy tối đa tiềm năng, gia tăng giá trị bản thân và đóng góp cho sự phát triển của Công ty.



CÁC CHIẾN LƯỢC TRONG TƯƠNG LAI

CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN

- Tập trung vào việc mở rộng thị phần và củng cố vị thế thương hiệu trên thị trường. Đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển, nhằm đổi mới sản phẩm và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng tập trung vào việc tối ưu hóa chiến lược marketing, nhằm tăng cường nhận thức thương hiệu và xây dựng một hình ảnh doanh nghiệp mạnh mẽ, đáng tin cậy trong lòng khách hàng.
- Không ngừng tìm kiếm các cơ hội hợp tác và liên kết với các đối tác chiến lược, để mở rộng mạng lưới phân phối và tiếp cận khách hàng một cách rộng rãi hơn. Tăng cường hiệu quả kênh phân phối sẽ giúp Công ty nâng cao khả năng cạnh tranh, qua đó tạo lợi thế trên thị trường và đẩy mạnh doanh số bán hàng.
- Duy trì và tăng cường khả năng cạnh tranh, Công ty chú trọng vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, từ việc tư vấn trước bán hàng đến dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng. Công ty tin rằng, sự hài lòng của khách hàng sẽ là nền tảng vững chắc nhất cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Đầu tư nghiên cứu và phát triển để sản xuất những sản phẩm mới, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Mở rộng thị trường: Mở rộng hệ thống phân phối, tiếp cận với nhiều khách hàng tiềm năng hơn. Tăng cường hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận diện thương hiệu.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh: Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh.
- Nhân lực: Tăng cường đào tạo và quản lý nhân viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quản lý chi phí: quản lý chi phí hiệu quả để tăng lợi nhuận, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và các bên đối tác liên quan.
- Tái cấu trúc Công ty: Theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông cam kết giảm thiểu lượng phát thải ra môi trường trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về xử lý, tái chế chất thải, góp phần bảo vệ môi trường.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm cho công nhân viên, xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, đồng thời quan tâm đến công tác thu gom, xử lý chất thải, góp phần xây dựng xã hội và cộng đồng ngày càng văn minh, hiện đại.



TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Sơn Á Đông mong muốn góp phần làm tăng tiến chất lượng cuộc sống bằng các hoạt động thân thiện với con người, môi trường và thiên nhiên, lấy sự thỏa mãn khách hàng làm thước đo sự trung tín, sức sáng tạo và nỗ lực hoàn thiện của công ty. Sơn Á Đông bảo đảm hài hòa lợi ích công ty với lợi ích quốc gia và xã hội.

- Khách hàng trước hết
- Chất lượng toàn diện
- Cải tiến không ngừng



CÁC YẾU TỐ RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2023. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm trước. Năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%), trong đó sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 11,9% ... Chính vì vậy, công tác quản lý, điều của Ban lãnh đạo Công ty sẽ cần nhắc thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để đảm bảo kiểm soát hoạt động sản xuất của Công ty



Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều phải chịu sự chi phối và quản lý của pháp luật và Công ty Cổ phần Sơn Á Đông không phải ngoại lệ. Do đó, Công ty chịu sự quản lý từ các quy định của pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế... và các Nghị định, Thông tư và văn bản liên quan đến hoạt động của công ty.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất và kinh doanh sơn cũng chịu ràng buộc và chính sách quy định của pháp luật về an toàn đối với người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Chính vì sự ràng buộc này dẫn đến nhiều khó khăn cho Công ty khi Luật áp dụng các quy định khác nhau.

Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty đã luôn chủ động cập nhật quy định luật pháp, hoàn thiện hệ thống quản lý và từ đó đưa các kế hoạch phù hợp và hạn chế tối đa các tác động đến hoạt động sản xuất của Công ty.



Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Rủi ro tỷ giá gây tổn thất cho doanh nghiệp thông qua tác động đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài trợ.

Trong năm 2024, tỷ giá giữa USD-VND và SGD-VND đã trải qua nhiều biến động đáng chú ý. Tỷ giá USD-VND dao động từ 24,269 VND đến 25,486 VND, với mức trung bình khoảng 25,056 VND, cho thấy đồng đô la Mỹ tiếp tục chiếm ưu thế so với đồng Việt Nam. Tỷ giá SGD-VND nằm trong khoảng từ 18,078 VND đến 19,302 VND, với mức trung bình khoảng 18,750 VND, phản ánh sự ổn định tương đối của đồng đô la Singapore nhưng vẫn tăng nhẹ so với VND.

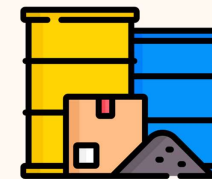
Hiện nay, Công nghiệp sản xuất sơn Việt Nam hầu như lệ thuộc vào nguồn cung ứng từ nước ngoài, tỉ lệ nguyên liệu nhập khẩu chiếm đến 70% nhu cầu sử dụng của Công ty. Do đó, hoạt động kinh doanh của ADP chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế. Có thể nói rủi ro tỷ giá là loại rủi ro thường xuyên gặp và đáng lo ngại đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

Phòng ngừa rủi ro từ biến động tỷ giá, Công ty đã áp dụng các biện pháp như sử dụng công cụ tài chính phái sinh, đa dạng hóa nguồn thu/chí ngoại tệ, quản lý dòng tiền hiệu quả, và hợp tác chặt chẽ với ngân hàng. Những giải pháp này giúp doanh nghiệp ổn định hoạt động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Rủi ro đặc thù

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Thành phần chính của sơn là nhựa (polymer), ngoài ra còn có một số chất dung môi, bột màu và phụ gia. Các thành phần này đa số được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty. Nhằm ứng phó với tình hình giá cả nguyên vật liệu biến đổi khó lường, ADP đã đưa ra các biện pháp như ADP chủ động đàm phán với các nhà cung cấp nguyên vật liệu để điều chỉnh giá, hướng đến tối ưu hóa chi phí đầu vào.



Song song đó, ADP tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh và tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro.

Để đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu không bị đứt gãy và không phụ thuộc vào một nhà cung cấp duy nhất, ADP đã chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung cấp khác. Việc đa dạng hóa nguồn cung giúp Công ty chủ động hơn trong việc lựa chọn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý và chất lượng đảm bảo.

RỦI RO CHÁY NỔ



Nhà máy sản xuất sơn là nơi tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao bởi nguyên liệu pha chế sơn đều là hóa chất dễ cháy. Đám cháy tại nhà máy sơn rất nguy hiểm, khó dập tắt và gây thiệt hại lớn về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường. Do đó, đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty.

Để đảm bảo an toàn PCCC, ADP đã thực hiện các biện pháp như: Lắp đặt hệ thống báo cháy, chống cháy tự động; trang bị đầy đủ phương tiện chữa cháy cho lực lượng PCCC tại chỗ; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị PCCC; tổ chức huấn luyện, diễn tập PCCC cho toàn thể CBCNV.

RỦI RO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Sơn là một vật liệu phổ biến trong cuộc sống hiện đại, được sử dụng rộng rãi trong trang trí nhà cửa, công trình xây dựng... Năm bắt nhu cầu đó, ngày càng có nhiều nhà máy, xưởng sản xuất sơn ra đời. Điều này cũng đi kèm với vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành sản xuất sơn gây ra.

Công ty ý thức được những rủi ro về môi trường và sức khỏe của người lao động do hoạt động sản xuất của mình gây ra. Để hạn chế tối đa những rủi ro này, Công ty đã xây dựng các hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Ngoài ra, Công ty cũng định kỳ cung cấp, thay thế đồ bảo hộ lao động cho người lao động và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro có thể dự đoán trước, Công ty cũng nhận thức được những rủi ro mang tính bất khả kháng, tuy ít xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh. Các rủi ro này bao gồm thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng, Công ty đã xây dựng các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Tổ chức và nhân sự	22
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	30
Cơ cấu cổ đông	34
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	35

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024:

Năm 2024 là năm có nhiều biến động do tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát, làm cho giá nguyên vật liệu giữ ở mức cao. Những yếu tố này đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh cho các ngành công nghiệp tại Việt Nam nói chung và ngành công nghiệp sơn nói riêng.

Ngay từ những tháng đầu năm 2024, Sơn Á Đông đã triển khai các biện pháp ứng phó với đà tăng giá của nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ, xây dựng các chương trình bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tăng cường công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến hợp lý hóa quá trình sản xuất. Nghiên cứu dòng sản phẩm mới, sản phẩm thay thế để đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, cắt giảm các chi phí chưa cấp thiết. Tạm dừng các hạng mục đầu tư, mua sắm, chưa thực sự cấp bách trong thời điểm hiện tại. Xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, tinh gọn lao động linh hoạt theo kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Thường xuyên theo dõi diễn biến, đánh giá nhu cầu thị trường qua đó tập trung nguồn lực, chi phí cho thị trường, phát triển sản phẩm, có đánh giá giữa chi phí gắn với hiệu quả kinh doanh.

Trước khó khăn nêu trên, Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Sơn Á Đông có được sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2023, chỉ tiêu lợi nhuận của Sơn Á Đông vượt so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Các chỉ số tài chính của Sơn Á Đông luôn ở mức an toàn, khả năng tự tài trợ vốn cao, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	2024	2023	% Tăng/Giảm năm 2024 so với năm 2023
1	Doanh thu thuần	817.854	519.137	57,54
2	Giá vốn hàng bán	658.332	416.674	58,00
3	Lợi nhuận gộp	159.522	99.537	60,26
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106.900	73.840	44,77
5	Lợi nhuận trước thuế	106.837	73.819	44,73
6	Lợi nhuận sau thuế	85.313	58.934	44,76
7	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	3.703	2.558	44,76

Kết thúc năm 2024, Doanh thu của công ty đạt 817,85 tỷ đồng, tăng 57,54% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế tăng 44,76% so với năm 2022, đạt 85,31 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ năm 2024 đạt 7.134 tấn tăng 51,8% so với năm 2023.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2024		NĂM 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	658.332	80,50%	416.674	80,72%
Chi phí tài chính	1.079	0,13%	1.211	0,23%
Chi phí bán hàng	18.732	2,29%	15.444	2,99%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.015	4,77%	20.385	3,95%
Chi phí khác	63	0,01%	21	0,00%
Tổng chi phí	717.221	87,70%	453.735	87,90%
Doanh thu thuần	817.854		516.212	

Là doanh nghiệp ngành nghề chính là sản xuất sơn, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí, tương đương 618,33 tỷ đồng 58% so với năm 2023. Nguyên nhân là tăng theo tỷ trọng với Doanh thu. Việc giữ được tỷ trọng các yếu tố chi phí giúp Sơn Á Đông đạt được lợi nhuận cao trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt với các thương hiệu nước ngoài và trong nước.

Hai khoản mục Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 18,73 tỷ đồng và 39,05 tỷ đồng. Tỷ lệ Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần và Chi phí Quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần được kiểm soát tương ứng 2,29% và 4,77%. Việc kiểm soát chi phí chặt chẽ, giúp công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	TH2024/ KH2024
1	Tổng doanh thu	821.151	600.000	36,85%
2	Lợi nhuận trước thuế	106.837	60.000	78,06%

So với kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua trong năm 2024, kết quả kinh doanh thực tế của Sơn Á Đông đạt được thành tích ấn tượng. Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 đạt 821,15 tỷ đồng, vượt 36,85% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 106,84 tỷ đồng vượt 78,06% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Để đạt được kết quả thắng lợi này, Ban lãnh đạo đã nỗ lực trong tìm kiếm nguồn khách hàng mới đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, đề ra các chính sách bán hàng cũng như kiểm soát chặt chẽ các chi phí. Nhờ đó Sơn Á Đông tối ưu hóa hiệu quả.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Hội đồng quản trị			
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	10,06%
2	Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	2.616.568	11,36%
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực	2.124.000	9,22%
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.534.400	11,00%
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	2,77%
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	133.500	0,58%
II	Ủy Ban kiểm toán			
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	0,00%
2	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	135.500	0,58%
III	Ban điều hành			
1	Bà Dương Thị Thùy Hương	Thành viên HĐQT	3.697	0,02%
2	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực	2.124.000	9,22%
3	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.534.400	11,00%
4	Ông Huỳnh Thanh Tâm	Kế toán trưởng	4.372	0,02%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1941

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:



Thời gian	Sự kiện
1960 – 1966	: Công tác tại Nhà máy Cao su Sao vàng Hà Nội
1966 – 1972	: Thực tập sinh Nước CHXHCN Tiệp Khắc
1972 – 1976	: Công tác tại Nhà máy Sơn Tổng Hợp Hà Nội
1976 – 1980	: Tiếp quản Nhà máy Sơn Á Đông
1980 – 2000	: Công tác tại công ty Sơn Chất Dẻo – XN Sơn Á Đông
2000 – 04/2022	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sơn Á Đông
04/2022 – Nay	: Chủ tịch HĐQT CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.318.269 cổ phần, chiếm 10,06% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Võ Hồng Hà (Con trai) nắm giữ: 2.534.400 cổ phiếu, chiếm 11,00 %VDL
- Võ Thị Mai Hương (Con gái) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL
- Võ Thị Bích Ngọc (Con gái) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (con rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN BỬU TRÍ – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:



Thời gian	Sự kiện
2000 – 2001	: Công tác kỹ thuật bán hàng tại Công ty TNHH Long Thành
2001 – 04/2022	: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Sơn Á Đông
04/2022 – Nay	: Thành viên HĐQT CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.318.269 cổ phần, chiếm 10,06% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ vợ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Bà Võ Thị Bích Ngọc (Vợ) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL

ÔNG LÊ ĐÌNH QUANG – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TGĐ THƯỜNG TRỰC

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế, Chuyên ngành Tài chính – Kế toán

Cử nhân Luật, Chuyên ngành Thương mại

Quá trình công tác:



Thời gian	Sự kiện
1985 – 1994	: Công tác tại phòng kế toán Công ty Thương nghiệp Huyện Bình Chánh, TP.HCM
1994 – 2000	: Phụ trách kế toán Xí nghiệp Sơn Á Đông
2000 – 2022	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc/Kế toán trưởng CTCP Sơn Á Đông
2022 – Nay	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.124.000 cổ phần, chiếm 9,22% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Vương Thị Huyền Trang (Vợ) nắm giữ: 964.974 cổ phiếu, chiếm 4,19% VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VŨ HỒNG HÀ – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TGĐ



Năm sinh: 1960	
Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh	
Quá trình công tác:	
Thời gian	Sự kiện
1992 - 2019	: Kinh doanh nhà hàng tại Đan Mạch
2019 - 2021	: Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc
2022 - 04/2022	: Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng vật tư CTCP Sơn Á Đông
05/2022–01/2023	: Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông
01/2023 – Nay	: Thành viên HĐQT kiểm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ: 2.534.400 cổ phần, chiếm 11,00% VDL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ vợ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Bà Võ Thị Mai Hương (Em ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL
- Bà Võ Thị Bích Ngọc (Em ruột) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (Em rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL

BÀ VŨ THỊ BÍCH NGỌC – THÀNH VIÊN HĐQT



Năm sinh : 1977	
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh	
Quá trình công tác :	
Thời gian	Sự kiện
2000 – 04/2022	: Công tác tại CTCP Sơn Á Đông
04/2022 – Nay	: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ: 637.696 cổ phần, chiếm 2,77 % VDL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (Chồng) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL
- Ông Võ Hồng Hà (Anh ruột) nắm giữ: 2.534.400 cổ phiếu, chiếm 11,00 % VDL
- Bà Võ Thị Mai Hương (Chị ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THỊ MINH SÁU – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Năm sinh: 1957	
Trình độ chuyên môn: Tiến Sĩ Kinh tế QTKD	
Quá trình công tác:	
Thời gian	Sự kiện
1978 - 1996	: Làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
1997 - 2012	: Làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Đa quốc gia Shell Việt Nam
2012 - 04/2022	: Nghỉ hưu theo chế độ và tham gia giảng dạy tại các trường đại học về quản trị kinh doanh
04/2022 – Nay	: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Ông Nguyễn Tài Thảo (Chồng) nắm giữ: 972.258 cổ phiếu, chiếm 4,22% VDL
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương (Con) nắm giữ: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% VDL

ÔNG TỐNG TRƯỜNG THỊNH – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Năm sinh: 1990	
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hóa	
Quá trình công tác:	
Thời gian	Sự kiện
2013 - 2015	: Công tác tại Công ty TNHH Dệt may Thành công Việt Nam
2015 - 2017	: Công tác tại Công ty TNHH DKSH Việt Nam
2017 - 04/2022	: Công ty TNHH TMDV SX Bình Phú
04/2022 – Nay	: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm toán CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ: 133.500 cổ phần, chiếm 0,58% VDL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Ông Tống Quốc Minh (Cha) nắm giữ: 1.148.250 cổ phiếu, chiếm 4,98% VDL
- Bà Ngũ Thị Kim Lệ (Mẹ) nắm giữ: 597.150 cổ phiếu, chiếm 2,59% VDL
- Bà Tống Trường Lộc (Chị) nắm giữ: 133.025 cổ phiếu, chiếm 0,58% VDL

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin lý lịch của Ông Lê Đình Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD và Ông Võ Hồng Hà - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD vui lòng xem tại thông tin giới thiệu Hội đồng quản trị.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG HUỖNH THANH TÂM – KẾ TOÁN TRƯỞNG

	Năm sinh: 1979	
	Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế	
	Quá trình công tác:	
	Thời gian	Sự kiện
	2006 - 04/2022	: Phòng kế toán CTCP Sơn Á Đông
	04/2023 - Nay	: Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
Số cổ phần nắm giữ: 4.372 cổ phần, chiếm 0,02% VDL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

GIỚI THIỆU ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thông tin lý lịch của Bà Nguyễn Thị Minh Sáu – Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán và Ông Tổng Trưởng Thịnh - Thành viên Ủy Ban Kiểm toán vui lòng xem tại thông tin giới thiệu Hội đồng quản trị.

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị: (Không có).
Những thay đổi trong Ủy Ban Kiểm toán: (Không có).
Những thay đổi trong Ban Điều hành:

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Ban điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Dương Thị Thùy Hương	Tổng giám đốc		31/01/2024
2	Ông Lê Đình Quang	Phó tổng giám đốc thường trực	23/01/2024	

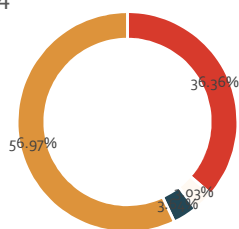
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN					
		Năm 2023		Năm 2024	
	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	150	1	165	1
1	Trình độ đại học	50	33,33%	60	36,36%
2	Trình độ cao đẳng	4	2,67%	5	3,03%
3	Trình độ trung cấp, trung cấp nghề	6	4,00%	6	3,64%
4	lao động phổ thông	90	60,00%	94	56,97%
B	Theo thời hạn lao động	150	1	165	1
1	Hợp đồng có thời hạn 1 - 3 năm	94	62,67%	104	63,03%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	52	34,67%	56	33,94%
3	Lưu dụng	4	2,67%	5	3,03%
C	Theo giới tính	150	1	165	1
1	Nam	109	72,67%	128	77,58%
2	Nữ	41	27,33%	37	22,42%
	Tổng cộng	150	100	165	100

2023



2024



THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	147	150	165
Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	17.947.000	18.547.000	18.947.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện. Môi trường làm việc tốt là nền tảng quan trọng để cán bộ công nhân viên phát triển năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất lao động. Mỗi người lao động đều được tạo điều kiện để cảm thấy gắn kết và trở thành một phần quan trọng của công ty.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công ty luôn tập trung vào việc phát triển năng lực toàn diện cho đội ngũ nhân viên thông qua việc thiết kế và tổ chức các chương trình đào tạo với mục đích mong muốn đội ngũ tại mỗi vị trí công việc sẽ phát huy hết khả năng về năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và được khuyến khích sáng tạo để gia tăng năng suất và hiệu quả trong công việc

- Phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức các khóa học chuyên sâu cho nhân viên.
- Đào tạo về kỹ năng chuyên môn: Tại Sơn Á Đông ngoài việc chú trọng đào tạo kiến thức chuyên môn cho nhân sự tại Công ty, Sơn Á Đông cũng cử một số nhân sự phù hợp tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật, sản xuất của công ty
- Các khóa đào tạo về kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, được Sơn Á Đông triển khai phù hợp với từng cấp độ nhân sự, giúp cán bộ công nhân viên phát triển toàn diện các kỹ năng cần thiết cho công việc...
- Duy trì và cải thiện các chính sách đào tạo để đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp, từ đó giữ vững sự đoàn kết và thống nhất nội bộ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát, ...

CHẾ ĐỘ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể người lao động, bao gồm khám bệnh nghề nghiệp và khám chuyên sâu dành cho nữ giới, đảm bảo sức khỏe tốt nhất để làm việc hiệu quả.

LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm, hoạt động đầu tư của Công ty đã tập trung vào việc duy trì và cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời mở rộng quy 006Dô và nâng cao sức cạnh tranh thị trường. Điều này bao gồm việc bảo trì và nâng cấp cá trang thiết bị sản xuất, đồng thời tinh chỉnh quy trình vận hành để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	2024	2023	% Tăng/giảm năm 2024 so với năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	355.389	381.329	(6,80)
2	Doanh thu thuần	817.855	516.212	58,43
3	Lợi nhuận gộp	159.522	99.538	60,26
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106.901	73.840	44,77
5	Lợi nhuận trước thuế	106.837	73.819	44,73
6	Lợi nhuận sau thuế	85.314	58.934	44,76
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.703	2.558	44,76

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2023
A	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,83	3,60
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,18	2,28
B	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
4	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	23,36	26,49
5	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	30,48	32,78
C	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,04	4,20
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,22	1,40
D	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,43	11,42
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30,49	20,99
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	23,16	15,93
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	13,07	14,30

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các hệ số thanh toán của Công ty không có sự biến động nhiều trong năm qua, với hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức 3,83 tăng nhẹ so với 3,60 năm 2023; và hệ số thanh toán nhanh 2,18 lần giảm so với 2,28 lần năm 2023.

Do sự không ổn định về địa - chính trị bởi các cuộc xung đột trên thế giới đã ảnh hưởng nhiều đến kinh tế toàn cầu, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá nguyên vật liệu đầu vào biến động khó lường khiến Công ty ưu tiên sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và lựa chọn thời điểm phù hợp để tích trữ hàng tồn kho duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho đạt 137,24 tỷ đồng, tăng 10,51% so với năm 2023.

Đối với nợ ngắn hạn, tính đến thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn ghi nhận ở mức 83,04 tỷ đồng, giảm 11,81% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ các khoản phải trả ngắn hạn, do thời điểm cuối năm Công ty chủ động nguồn nguyên vật liệu để chuẩn bị cho công tác sản xuất đầu năm 2025. Nhìn chung, Công ty vẫn hoàn toàn có đủ nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trong tương lai.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ/tổng tài sản và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty đều có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2024. Trong đó, tỷ lệ nợ/tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ từ 24,69% năm 2023 xuống còn 23,36% năm 2024. Nợ phải trả ghi nhận mức 83,04 tỷ đồng, giảm 11,81% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng tài sản của Công ty tính đến ngày 31/12/2024 đạt 355,39 tỷ đồng, giảm 6,80% so với cùng kỳ. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc giảm lượng tiền. Cụ thể, tiền ghi nhận ở mức 9,76 tỷ đồng, giảm 47,29% so với năm 2023.

Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu cũng có sự gia giảm nhẹ từ 32,78% năm 2023 xuống 30,48% năm 2024. Tuy nhiên, mức nợ này vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu, cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt cơ cấu nợ và duy trì cấu trúc tài chính ổn định. Điều này giúp hạn chế rủi ro tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2024, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều có xu hướng tăng so với năm 2023. Vòng quay hàng tồn tăng từ 4,20 vòng năm 2023 lên 5,04 vòng năm 2024. Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng này là do biến động khó lường của thị trường tác động trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào và nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Công ty đã cân đối và điều chỉnh lượng nguyên vật liệu dự trữ cho phù hợp, thời điểm cuối năm Công ty đã tăng cường dự trữ hàng tồn kho để chuẩn bị cho việc sản xuất kinh doanh vào đầu năm 2025. Vòng quay tài sản tăng nhẹ trong năm 2024. Việc duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2024 ghi nhận nhiều biến động lớn trong nền kinh tế, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và ADP nói riêng. Tuy nhiên, khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua vẫn có sự tăng trưởng tích cực. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ 11,42% xuống 10,43% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế tăng 44,76% so với năm trước. Chỉ số ROE và ROA tăng mạnh từ 20,99% và 15,93% lên 30,49% và 23,16%. Nhờ sự chỉ đạo sáng suốt và chiến lược quản lý, sản xuất, kinh doanh phù hợp với bối cảnh của Ban lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Cổ phần: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 23.039.850 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 23.039.850 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	421	22.846.510	99,16%
1	Cá nhân	419	22.840.410	99,13%
2	Tổ chức	2	6.100	0,03%
II	Cổ đông nước ngoài	14	193.340	0,84%
1	Cá nhân	9	15.500	0,07%
2	Tổ chức	5	177.840	0,77%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		435	23.039.850	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Không có)

Giao dịch cổ phiếu quỹ (Không có)

Các chứng khoán khác (Không có)



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Phát triển bền vững là một quá trình hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong hai thập kỷ qua, vấn đề này ngày càng được quan tâm trên bình diện quốc tế, trở thành xu thế chung của toàn nhân loại. Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã thông qua Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu cụ thể. Đây là một cam kết toàn cầu hướng đến xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Tại Việt Nam, phát triển bền vững được xác định là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng là giải pháp quan trọng để tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Để thực hiện hiệu quả, Công ty cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:
Đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng.
Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.
Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người lao động.
Việc kiểm tra bảo dưỡng định kỳ giúp phát hiện và khắc phục kịp thời các hư hỏng, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động. Điều này, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty mà còn góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn đề cao việc sử dụng nguồn nước hiệu quả và bền vững thông qua chiến lược tái sử dụng nước một cách khoa học. Công ty đã triển khai các hoạt động, chính sách sau:
Sử dụng các thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước trong sản xuất và sinh hoạt.
Tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho cán bộ, nhân viên.
- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.
Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước, Công ty luôn nỗ lực sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả. Qua đó từng bước khẳng định cam kết phát triển bền vững, đồng hành cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Bắt nhịp xu hướng đô thị hóa, sơn nước là yếu tố cần thiết và phục vụ cho nhiều mục đích trang trí khác nhau như nhà cửa, trạm trường... Nắm bắt nhu cầu đó mà ngày càng có nhiều nhà máy, xưởng sản xuất sơn ra đời. Và đi đôi với sự gia tăng đó là vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành sản xuất sơn gây ra. Các tác động cụ thể có thể kể đến như:

- Khí thải: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn sản xuất sơn, pha hóa chất, nguyên liệu,... nước thải này chứa các thành phần ô nhiễm như Biological Oxygen Demand, Chemical Oxygen Demand, Tổng Nitrat nitơ $\text{NO}_3 - \text{N}$, Nitrit nitơ $\text{NO}_2 - \text{N}$, Amoniac nitơ $\text{NH}_3 - \text{N}$ và các hữu cơ ngoại quan nitơ, màu, Ngoài ra còn có nước thải ngành sơn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của người lao động trong quá trình lau dọn nhà máy. Nếu không được xử lý trước khi xả thải sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người xung quanh.
- Khí thải và bụi: Phát sinh từ các hơi dung môi trong quy trình sản xuất sơn phát tán ra không khí. Các loại khí, bụi này phát tán vào môi trường sẽ gây ô nhiễm không khí và tác động đến sức khỏe con người.
- Chất thải rắn: Phát sinh từ các sản phẩm phụ gia, dung môi, nguyên liệu bị hư hỏng, các thùng nhựa có dính chất sơn...

Nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường, Sơn Á Đông đã triển khai nhiều giải pháp như:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến: Công ty đầu tư áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu phát thải khí thải, nước thải, tiếng ồn, rung...
- Tăng cường công tác quản lý: Công ty tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động sản xuất để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Công ty tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, góp phần bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động phần lớn trong lĩnh vực sản xuất sơn, nguồn nguyên liệu đầu vào của ADP chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất cũng như đảm bảo việc chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu. Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu lâu năm cho Công ty, Công ty luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp gỡ thường niên nhà cung cấp để tạo mối quan hệ và cập nhật thông tin tình hình diễn biến của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Ngoài ra, Công ty sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách tối ưu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và định lượng. Nguyên vật liệu được sử dụng đúng mục đích, đủ lượng tiêu thụ, tuân theo quy trình sản xuất, được kiểm soát chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra nhằm đảm bảo tính an toàn và bảo vệ môi trường sản xuất, môi trường tự nhiên xung quanh. Công ty luôn ý thức được việc tái chế, tái sử dụng những nguồn nguyên vật liệu có thể tái sản xuất, đồng thời vẫn đảm bảo độ an toàn và kiểm soát chất lượng thành phẩm xuất ra thị trường tiêu thụ.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty cũng đã tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động đối với môi trường. Với những nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường, trong năm 2024, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh	39
Tình hình tài chính	41
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kinh tế thế giới năm 2024 trải qua nhiều sự kiện tương đối biến động và khó khăn do các cuộc xung đột địa chính trị kéo dài ở Ukraine – Nga, Trung Đông..., cùng với bất ổn chính trị tại các quốc gia phát triển tại châu Âu và châu Á như Đức, Pháp, Hàn Quốc đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động giao thương quốc tế, những ách tắc về chuỗi cung ứng xảy ra với tần suất thường xuyên hơn, kết hợp với nhiều thiên tai, thảm họa diễn ra nghiêm trọng do biến đổi khí hậu toàn cầu đã dẫn đến giá cả của nhiều loại nguyên vật liệu, nhiên liệu gia tăng, tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất toàn cầu tuy hồi phục nhưng vẫn còn yếu.

Chỉ tiêu về doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận sau thuế đều được thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra. Dưới sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo và nỗ lực không ngừng của toàn thể toàn thể CBCNV, Sơn Á Đông đã vượt qua những khó khăn và biến động của thị trường trong năm 2024 và đạt được kết quả như sau:

- Doanh thu thuần đạt 817,86 tỷ đồng, tăng 58,43% so với cùng kỳ năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 85,31 tỷ đồng, tăng 44,76% so với cùng kỳ năm 2023.

KHÓ KHĂN



Các cuộc xung đột chính trị diễn ra với tần suất dày đặc, như xung đột ở các quốc gia Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông đã ảnh hưởng đáng kể đến chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến giá cước vận chuyển gia tăng và giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao do nguồn cung bị hạn chế ... dẫn đến nhiều tác động tiêu cực cho ngành công nghiệp sơn, mực in Việt Nam;
Nguồn cung nguyên liệu có xu hướng giảm nhưng chủ yếu chỉ là nguồn từ Trung Quốc và xu hướng này không bền vững. Trong khi giá cả nguyên liệu có nguồn gốc từ châu Âu vẫn cao;

Thị trường nội địa đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 65% thị trường với chất lượng ổn định, đa dạng chủng loại, lại tung nhiều kinh phí để quảng bá sản phẩm, cùng với hãng sơn nội địa đang tham gia thị phần

Trong bối cảnh thị trường bán lẻ các sản phẩm sơn dân dụng, sơn kỹ nghệ diễn ra khốc liệt, Công ty thực hiện nhiều chương trình giá giảm và tăng chiết khấu thương mại nhằm thu hút thêm khách hàng, khiến chi phí dành cho các chương trình này tăng cao. Thêm vào đó, các chi phí khác như chi phí đầu tư vào nghiên cứu sản phẩm mới, chi phí đầu tư cho máy móc thiết bị ngày càng tăng cao đã tạo áp lực lên doanh số của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUẬN LỢI

Sản lượng sơn cuộn năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, nhờ sự phát triển của ngành công nghiệp và xây dựng. Các dự án cơ sở hạ tầng và nhà máy mới thúc đẩy nhu cầu sử dụng sơn cuộn, đặc biệt trong các lĩnh vực như sản xuất tôn và thép mạ màu; Thị trường sơn tàu biển không có nhiều biến động đáng kể so với năm trước. Nhu cầu ổn định do các hoạt động đóng mới và bảo trì tàu duy trì ở mức trung bình; Phân khúc sơn dân dụng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhờ sự phục hồi của thị trường bất động sản và nhu cầu cải tạo nhà ở.

Nền tảng hợp tác quốc tế sẵn có về chuyển giao công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế và dịch vụ chất lượng cao; Đi sâu nghiên cứu sản xuất thêm các dòng sản phẩm sơn mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng. Sơn Á Đông có được sự đồng hành của các cán bộ, công nhân viên, đặc biệt là đội ngũ kỹ thuật và vận hành sản xuất, được đào tạo kỹ năng và chuyên môn chuyên sâu. Đội ngũ lao động có tay nghề, tận tâm với công việc, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất và quản lý.

Kinh tế Việt Nam vẫn đang hồi phục và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Điều này cho thấy, có nhiều không gian và cơ hội cho các hãng sơn Việt phát triển và cạnh tranh trên thị trường nội địa;

Nhà máy Sơn Á Đông – Long An đã xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động sản xuất cho ra sản phẩm có công suất thiết kế 15.000 tấn/năm các sản phẩm sơn gốc dầu (chủ yếu sơn kỹ nghệ và sơn tàu biển & công nghiệp độ bền cao) và dự phòng có thể nhanh chóng mở rộng sản xuất trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	318.232	89,54%	338.669	88,81%
Tài sản dài hạn	37.156	10,46%	42.659	11,19%
Tổng tài sản	355.388	100%	381.328	100%

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty là 355,39 tỷ đồng, giảm 6,80% so với thời điểm 31/12/2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 6,03% so với năm 2023, chiếm 89,54% tổng tài sản với giá trị 318,23 tỷ đồng. Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn là tiền mặt và hàng tồn kho. Điều này, giúp ADP chủ động bổ sung nguồn vốn lưu động, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và ứng phó kịp thời với rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Tài sản dài hạn của Sơn Á Đông giảm 12,90% so với cuối năm 2023, xuống còn 37,15 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ trọng tài sản dài hạn vẫn chiếm 10,46% tổng tài sản, cho thấy ADP vẫn chú trọng đầu tư vào các trang thiết bị, nhà xưởng, máy móc để nâng cao năng lực sản xuất.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023
Nợ phải trả	83.024	23,36%	94.138	24,69%
- Nợ ngắn hạn	83.024	23,36%	94.138	24,69%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	272.365	76,64%	287.190	75,31%
Tổng nguồn vốn	355.389	100%	381.328	100%

Tính đến ngày 31/12/2024, nợ phải trả của ADP giảm 11,81% từ 94,14 tỷ đồng xuống 83,02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Công ty luôn hướng đến mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi để giảm thiểu áp lực lãi vay. Nhờ vậy, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì ở mức cao qua các năm. Tính đến cuối năm 2024, vốn chủ sở hữu chiếm 76,64% nguồn vốn, tương đương 272,37 tỷ đồng.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới, tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.
- Bố trí sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý để tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động nhằm tăng thu nhập cho người lao động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2025

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (Đồng)
I	DOANH THU SƠN DẪN DỤNG			
	ALKYD	Lít	480.000	37.440.000.000
II	SƠN KỀM	Lít	15.000	1.140.000.000
	DOANH THU SƠN KỸ NGHỆ			
	PCM	Lít	5.400.000	483.200.000.000
	STOVING	Lít	240.000	24.000.000.000
III	KHÁC	Lít	20.000	1.420.000.000
	DOANH THU SƠN TÀU BIỂN			
	TB ADP	Lít	480.000	152.800.000.000
TỔNG DOANH THU			6.635.000	700.000.000.000
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ				70.000.000.000

Các hoạt động triển khai trong năm 2025

Đối với sản xuất kinh doanh sơn

Đối với khách hàng

- Hoàn thiện hệ thống phân phối truyền thống, mục tiêu phủ đầy các tỉnh thành đạt từ 1 – 2 nhà phân phối/ 1 tỉnh. Áp dụng quy chế bán hàng năm 2024 cho hệ thống nhà phân phối nhằm thúc đẩy doanh thu.
- Đối với Khách hàng chủ lực: không ngừng ổn định chất lượng sản phẩm; cải tiến sản phẩm để tăng nhiều ứng dụng sản phẩm cho khách hàng; tăng cường chăm sóc dịch vụ kỹ thuật;
- Đối với Dự án, công trình: thiết lập đội ngũ tạo mối quan hệ trong ngành chuyên trách (thiết kế, dự án, nhà thầu...); Xây dựng chính sách giá công trình phù hợp từng quy mô, mục đích công trình/ dự án...

Đối với sản phẩm

- Tiếp tục ổn định và cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Đưa ra thị trường thêm các dòng sơn mới: Sơn kềm; Sơn PU kinh tế; Sơn chống vân tay; Sơn có hàm lượng kim loại nặng thấp; Sơn Alkyd nhanh khô; Sơn chống tia UV.

Đối với kỹ thuật

- Đầu tư máy móc thiết bị mới phục vụ việc cải tiến sản phẩm, nghiên cứu sản phẩm mới.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kỹ sư.

Đối với đầu tư sản xuất

- Cải tiến, đầu tư mới máy nghiền.
- Đầu tư mới dây chuyền đóng gói sản phẩm.

Nhân sự và đào tạo

- Năm 2025 tiếp tục tuyển dụng nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu của Công ty, đặc biệt nhân sự có trình độ, kinh nghiệm cho sự phát triển những dòng sơn mới – cho sự phát triển thị trường và hệ thống nhà phân phối đại lý...
- Thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ, kỹ năng cho người lao động.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	45
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	46
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng, với ngành công nghiệp hóa chất và xây dựng đóng vai trò quan trọng. Ngành hóa chất ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, nhờ nhu cầu nội địa và xuất khẩu tăng cao, cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất. Trong khi đó, ngành xây dựng được thúc đẩy bởi các dự án hạ tầng chiến lược như đường cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành và kế hoạch phát triển nhà ở xã hội. Thị trường vật liệu xây dựng sôi động trở lại, góp phần đáp ứng nhu cầu lớn từ các công trình đang triển khai. Cả hai ngành đều tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ, tạo nền tảng phát triển vững chắc trong bối cảnh nhiều thách thức toàn cầu.

Hội đồng quản trị đã luôn theo sát các biến động của thị trường, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường, tối đa hóa hiệu quả. Với sự hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng/Đối tác và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.

Nhờ sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV, kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

- Doanh thu thuần thực hiện năm 2024 đạt 821,15 tỷ đồng, hoàn thành 136,24% kế hoạch đặt ra.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 106,84 tỷ đồng, hoàn thành 178,07% kế hoạch của ĐHĐCĐ đặt ra.

Công tác nhân sự tiếp tục được thực hiện một cách công khai, minh bạch, khoa học. Công tác đào tạo được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của CBCNV, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển công ty. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát chặt chẽ và đánh giá toàn diện hoạt động của Tổng Giám đốc, đảm bảo sự tuân thủ và hiệu quả trong công tác điều hành. Cụ thể như sau

- ❖ Giám sát sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc do ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm 2024 và hỗ trợ kịp thời để các đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và thúc đẩy hoạt động kinh doanh theo hướng tốt nhất. Đồng thời, HĐQT luôn theo dõi và cập nhật kịp thời tình hình thị trường để có những định hướng, chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa tiềm năng phát triển, lợi thế, nội lực của mỗi đơn vị trong hệ thống Công ty;
- ❖ Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật;
- ❖ Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ trong năm 2024 hoàn thành đúng thời hạn;
- ❖ Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- ❖ Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện linh hoạt các giải pháp trong điều hành các hoạt động kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn về khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt.
- ❖ Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHẬN ĐỊNH CHUNG

Bên cạnh việc đặt ra các mục tiêu kinh doanh cụ thể cho năm 2025 với tổng doanh thu dự kiến đạt 700 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 70 tỷ đồng, thì việc cạnh tranh với các công ty nước ngoài tham gia hoạt động vào thị trường sơn vẫn là một thách thức thường xuyên cho ADP. Với quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động với các mục tiêu và giải pháp như sau:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHQCTĐ giao phó.
- Hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu ADP.
- Liên tục cập nhật tình hình kinh tế thế giới và diễn biến giá nguyên liệu đầu vào, và xây dựng các chính sách kịp thời để có giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế
- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa Công ty với khách hàng, đại lý, nhà phân phối và người trực tiếp sử dụng sản phẩm của Công ty.
- Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới, nơi có kênh phân phối và chú trọng giữ vững thị trường hiện đang có.
- Nghiên cứu, thực thi các cơ chế chính sách thị trường, phân khúc thị trường, xác định nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để sản xuất cho ra những dòng sản phẩm mà xã hội cần.
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
- Chú trọng phát triển các dòng sản phẩm tương lai là các sản phẩm sạch để thân thiện với môi trường sống của xã hội, cộng đồng.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	49
Ủy ban kiểm toán	51
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán	52

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	10,06
2	Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	2.616.568	11,36
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.124.000	9,22
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.534.400	11,00
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	2,77
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	135.500	0,58

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Ông Trần Bửu Trí	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	5/5	100%	
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	5/5	100%	
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	5/5	100%	
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	5/5	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT cũng đưa ra nhận xét về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các rủi ro, thách thức, kiến nghị và đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và Công ty, từ đó khẳng định cam kết thực hiện tốt vai trò của mình.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Sơn Á Đông. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch	-	-
2	Ông Tổng Trường Thịnh	Thành viên	135.500	0,58

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Ủy ban kiểm toán thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ủy ban kiểm toán đã tham dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, soát xét, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phát hành ra trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp Ủy ban kiểm toán đều đề xuất các ý kiến quan trọng về vấn đề tài chính, nhân sự, đầu tư...
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty;
- Đánh giá, thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá kịp thời tính chính xác và hợp lý của các số liệu tài chính;
- Giám sát, đánh giá thường xuyên hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT;
- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp trong việc ban hành các Nghị quyết của HĐQT và Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBKT.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm 2024, Ủy Ban kiểm toán đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các chủ trương quyết định được ban hành phù hợp các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty. Ủy Ban kiểm toán cũng đồng thời đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ủy Ban kiểm toán cũng đã có những tiếp xúc, trao đổi với cổ đông về tình hình tài chính và tình hình hoạt động của Công ty, lĩnh hội những ý kiến đóng góp và giải thích những vấn đề mà cổ đông cần làm rõ về Công ty.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP ỦY BAN KIỂM TOÁN:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch	5/5	100%
2	Ông Tổng Trường Thịnh	Thành viên	5/5	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thu nhập
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	348.000.000
2	Ông Trần Bửu Trí	Phó chủ tịch HĐQT	302.000.000
3	Ông Lê Đình Quang	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.121.356.785
4	Ông Võ Hồng Hà	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	984.200.810
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	274.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT	334.000.000
7	Ông Tổng Trường Thịnh	Chủ tịch UBKT	322.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (Không có)
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: (Không có)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 32



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Bà	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông	Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông	Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà	Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông	Tổng Trường Thịnh	Thành viên độc lập

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc

Bà	Dương Thị Thuý Hương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/01/2024)
Ông	Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông	Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ủy Ban Kiểm toán

Bà	Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch
Ông	Tổng Trường Thịnh	Thành viên

Đại diện pháp luật

Bà	Nguyễn Thị Nhung	(Được bà Nguyễn Thị Nhung ủy quyền là người đại diện pháp luật chịu trách nhiệm, ký báo cáo tài chính năm 2024)
Ông	Lê Đình Quang	

Kế toán trưởng

Ông	Huỳnh Thanh Tâm
-----	-----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**VII. CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024.

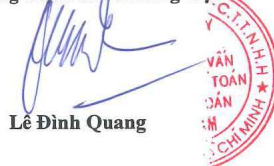
Duyệt, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 14 tháng 3 năm 2025

TM. Ban Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang



Số : 154/BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG, được lập ngày 07/03/2025, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.232.759.297	338.669.128.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.757.936.691	18.513.911.255
Tiền	111		9.757.936.691	18.513.911.255
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	102.000.000.000	130.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		102.000.000.000	130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.594.229.322	65.341.854.280
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	68.285.939.397	63.536.051.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.133.398.444	1.905.280.822
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(825.108.519)	(99.478.267)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		137.241.012.210	124.184.683.018
Hàng tồn kho	141	V.7	137.241.012.210	124.184.683.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		639.581.074	628.679.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	639.581.074	628.679.451
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.156.354.346	42.659.482.116
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.156.354.346	42.590.642.225
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.152.626.541	26.101.952.972
- Nguyên giá	222		140.868.944.189	139.059.824.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.716.317.649)	(112.957.871.801)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.003.727.805	16.488.689.253
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.244.344.631)	(7.759.383.183)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	68.839.891
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	68.839.891
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		355.389.113.643	381.328.610.120
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.024.281.255	94.138.398.232
I. Nợ ngắn hạn	310		83.024.281.255	94.138.398.232
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	55.756.046.482	74.320.547.113
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		415.059.929	257.819.244
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	9.662.673.085	8.562.059.512
Phải trả người lao động	314		16.510.705.471	9.812.831.744
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	71.873.400
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	628.753.881	1.062.224.812
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.14	272.364.832.388	287.190.211.888
I. Vốn chủ sở hữu	410		272.364.832.388	287.190.211.888
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	7.235.180.969
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.731.151.419	49.556.530.919
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.838.419	22.000.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.626.313.000	27.556.530.919
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		355.389.113.643	381.328.610.120

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 07 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	821.151.104.229	519.137.972.340
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.296.405.810	2.926.075.364
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		817.854.698.419	516.211.896.976
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	658.332.372.224	416.674.279.804
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		159.522.326.195	99.537.617.172
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.204.783.057	11.342.548.078
Chi phí tài chính	22	VI.5	1.078.757.733	1.210.585.775
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.331.282	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	18.732.188.831	15.444.303.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	39.015.353.541	20.385.005.461
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		106.900.809.147	73.840.270.738
Thu nhập khác	31	VI.6	5.558	184.152
Chi phí khác	32	VI.7	63.655.334	21.153.420
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(63.649.776)	(20.969.268)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		106.837.159.371	73.819.301.470
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	21.523.176.371	14.885.272.320
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		85.313.983.000	58.934.029.150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.703	2.558
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	3.703	2.558

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 07 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		106.844.144.775	73.819.301.470
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.243.407.296	8.257.088.628
- Các khoản dự phòng	03		725.630.252	65.907.810
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.323.413)	300.877.035
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.319.130.022)	(10.256.591.991)
- Chi phí lãi vay	06		8.331.282	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.474.060.170	72.186.582.952
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(4.724.820.363)	18.831.490.210
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(13.056.329.192)	(49.852.974.929)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(16.683.684.535)	4.633.532.374
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(10.901.623)	(161.837.880)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.331.282)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		(20.785.272.320)	(11.897.217.345)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.220.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.984.720.854	43.739.575.382
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.740.279.525)	(323.693.987)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(214.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		242.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.065.945.091	8.384.311.169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.325.665.566	8.060.617.182

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.683.336.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.683.336.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(93.066.360.984)	(44.031.304.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.066.360.984)	(44.031.304.846)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(8.755.974.564)	7.768.887.718
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.513.911.255	10.745.023.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		9.757.936.691	18.513.911.255

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 07 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên vật phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp có phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

11729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
P. PHỐ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	159.020.991	173.445.922
+ Tiền mặt (VND)	159.020.991	173.445.922
- Tiền gửi ngân hàng	9.598.915.700	18.340.465.333
+ Tiền gửi (VND)	9.598.915.700	18.340.465.333
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	9.172.365.031	17.686.068.812
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	426.550.669	654.396.521
Cộng	9.757.936.691	18.513.911.255

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	102.000.000.000	102.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	102.000.000.000	102.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
	102.000.000.000	102.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	13.697.454.187	13.000.416.010
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	725.630.252
- Công Ty Tôn Phương Nam	47.889.534.000	38.500.857.010
- Công ty TNHH GREIF Việt Nam	64.224.776	760.749.396
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	858.578.633	1.648.853.933
- Liên Doanh Việt Nga Vietsovpetro	2.944.434.514	6.329.142.122
- Đối tượng khác	2.106.083.035	2.570.403.002
Cộng	68.285.939.397	63.536.051.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	204.536.667
- Chi phí bảo hiểm tài sản	41.693.699	36.614.781
- Chi phí chỉnh sửa phần mềm kế toán	53.333.334	
- Chi phí sửa chữa	75.872.187	108.194.668
- Chi phí đồng phục	112.360.251	
- Chi phí khác	356.321.603	279.333.335
Cộng	639.581.074	628.679.451
Dài hạn		
- Chi phí đi dời MMTB	-	-
Cộng	-	-

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	5.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.133.398.444	-	1.900.280.822	-
+ BHYT, BHXH, BHTN	1.932.691	-	-	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	1.125.465.753	-	1.872.280.822	-
+ Các đối tượng khác	6.000.000	-	28.000.000	-
Cộng	1.133.398.444	-	1.905.280.822	-

6 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	99.478.267	-	99.478.267	-
<i>Chi tiết:</i>				
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	16.620.000	-	16.620.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	12.950.457	-	12.950.457	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	4.000.000	-	4.000.000	-
Công ty Cổ Phần Nhôm Kính Tây Đô	65.907.810	-	65.907.810	-
Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	-	-	-
Cộng	825.108.519	-	99.478.267	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	93.529.993.803	-	76.359.890.176	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	43.711.018.407	-	47.824.792.842	-
Cộng	137.241.012.210	-	124.184.683.018	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm TSCĐ	-	68.839.891
Cộng	-	68.839.891

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	53.578.655.791	10.806.957.016	2.845.924.309	5.457.361.481	139.059.824.773
Số tăng trong năm	-	1.178.000.000	-	-	1.458.588.216	2.636.588.216
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	1.178.000.000	-	-	631.119.416	1.809.119.416
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	827.468.800	827.468.800
Số giảm trong năm	-	827.468.800	-	-	-	827.468.800
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	827.468.800	-	-	-	-
Số dư cuối năm	66.370.926.176	53.929.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.915.949.697	140.868.944.189
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.171.446.903	53.234.378.656	9.143.670.627	2.748.433.872	4.659.941.742	112.957.871.801
Số tăng trong năm	5.681.505.128	211.641.667	525.638.712	94.782.563	244.877.779	6.758.445.848
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	211.641.667	525.638.712	94.782.563	244.877.779	6.758.445.848
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	48.852.952.031	53.446.020.323	9.669.309.339	2.843.216.435	4.904.819.521	119.716.317.649
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	23.199.479.273	344.277.135	1.663.286.389	97.490.437	797.419.739	26.101.952.972
Tại ngày cuối năm	17.517.974.146	483.166.668	1.137.647.677	2.707.874	2.011.130.176	21.152.626.540

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

77.821.483.420



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.759.383.183	-	-	-	-	7.759.383.183
Số tăng trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Khấu hao trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.244.344.631	-	-	-	-	8.244.344.631
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.488.689.253	-	-	-	-	16.488.689.253
Tại ngày cuối năm	16.003.727.805	-	-	-	-	16.003.727.805



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công Ty Arkema Coating Resin	12.619.956.128	12.619.956.128	29.880.676.200	29.880.676.200
- Công Ty TNHH Nordor A/S	-	-	-	-
- Công Ty CP Hc Ma Ha	297.891.000	297.891.000	864.387.128	864.387.128
- DNTN TM DV Bình Phú	3.706.717.064	3.706.717.064	753.417.490	753.417.490
- Công Ty Nam Đan	1.831.203.000	1.831.203.000	1.373.350.000	1.373.350.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	66.000.000	66.000.000	1.361.921.660	1.361.921.660
- Công Ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	3.353.070.908	3.353.070.908	3.449.667.661	3.449.667.661
- Eternal Resin Co., Ltd.	911.659.680	911.659.680	1.719.520.000	1.719.520.000
- Nordox A/S Norway	-	-	3.919.724.000	3.919.724.000
- Công Ty TNHH Eastchem	1.268.774.688	1.268.774.688	2.342.192.458	2.342.192.458
- Công Ty CP Sam Chem Quả Cầu	-	-	2.889.664.800	2.889.664.800
- Công Ty CP Vật liệu Công nghệ Sáng Tạo	2.164.388.600	2.164.388.600	2.033.680.000	2.033.680.000
- CN Công Ty TNHH FSI Việt Nam	1.132.240.164	1.132.240.164	2.195.766.338	2.195.766.338
- Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia My	4.179.507.440	4.179.507.440	549.009.340	549.009.340
- Công Ty TNHH CTS Solutions Việt Nam	1.560.282.240	1.560.282.240	778.041.660	778.041.660
- Công Ty TNHH P&ID Việt Nam	2.925.208.000	2.925.208.000		
- Macro Polymers P.Limited	3.057.942.080	3.057.942.080	1.445.959.200	1.445.959.200
- Đối tượng khác	16.681.205.490	16.681.205.490	18.763.569.178	18.763.569.178
Cộng	55.756.046.482	55.756.046.482	74.320.547.113	74.320.547.113

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
12.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	644.921.309	81.847.890.946	81.756.608.982	736.203.273
+ Thực nộp bằng tiền	644.921.309	18.260.649.195	18.169.367.231	736.203.273
+ Được khấu trừ	-	63.587.241.751	63.587.241.751	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.803.632.287	21.523.176.371	20.785.272.320	8.541.536.338
Thuế thu nhập cá nhân	113.505.916	7.467.547.040	7.196.119.482	384.933.474
Thuế đất, thuế nhà đất	-	962.192.522	962.192.522	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	8.562.059.512	111.804.806.879	110.704.193.306	9.662.673.085
12.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- KPCĐ	228.753.881	628.769.142
- BHXH, BHYT, BHTN	-	33.455.670
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.000.000	400.000.000
+ Đối tượng khác	400.000.000	400.000.000
Cộng	628.753.881	1.062.224.812

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	36.702.305.679	274.335.986.648
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	58.934.029.150	58.934.029.150
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.823.963.700)	(13.823.963.700)
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(13.823.963.700)	(13.823.963.700)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(32.255.840.210)	(32.255.840.210)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	49.556.530.919	287.190.211.888
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	85.313.983.000	85.313.983.000
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(50.687.670.000)	(50.687.670.000)
- Chia thưởng HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	34.731.151.419	272.364.832.388

27
25622
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN
QUẬN 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang
- Vốn góp của Ông Võ Hồng Hà
- Vốn góp của các cổ đông khác
- Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
23.182.690.000	37.006.690.000
26.165.680.000	26.165.680.000
21.240.000.000	21.240.000.000
25.344.000.000	11.520.000.000
134.466.130.000	134.466.130.000
230.398.500.000	230.398.500.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế

Năm nay	Năm trước
230.398.500.000	230.398.500.000
-	-
-	-
230.398.500.000	230.398.500.000
(97.919.362.500)	(46.079.803.910)

14.4. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

Số cuối năm	Số đầu năm
23.039.850	23.039.850
23.039.850	23.039.850
23.039.850	23.039.850
-	-
-	-
-	-
23.039.850	23.039.850
23.039.850	23.039.850
-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Số cuối năm	Số đầu năm
7.235.180.969	7.235.180.969
-	-
-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	77.000.000	41.025.000
- Doanh thu bán thành phẩm	818.934.104.229	518.646.947.340
- Doanh thu khác	2.140.000.000	450.000.000
Cộng	821.151.104.229	519.137.972.340

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	3.296.405.810	2.926.075.364
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	3.296.405.810	2.926.075.364

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	95.638.951	33.070.000
- Giá vốn thành phẩm đã bán	658.236.733.273	416.641.209.804
Cộng	658.332.372.224	416.674.279.804

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.319.130.022	10.256.591.991
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	857.329.622	1.085.956.084
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.323.413	-
Cộng	6.204.783.057	11.342.548.075

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	8.331.282	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.070.426.451	909.708.740
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	300.877.035
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1.078.757.733	1.210.585.775

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	5.558	184.152
Cộng	5.558	184.152

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Phạt vi phạm hợp đồng	44.932.850	-
- Phí chậm nộp tiền thuê đất	18.690.177	-
- Các khoản khác	32.307	21.153.420
Cộng	63.655.334	21.153.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	685.204.978	383.168.213
- Chi phí nhân công	10.194.620.644	7.163.019.773
- Chi phí khấu hao	204.034.106	707.240.361
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.539.581.011	4.769.718.210
- Các khoản chi phí bán hàng khác	3.108.748.092	2.421.156.716
Cộng	18.732.188.831	15.444.303.273

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.651.917.597	1.810.581.230
- Chi phí nhân công	29.114.446.070	10.535.186.370
- Chi phí khấu hao	563.363.076	234.851.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.514.401	1.717.151.157
- Thuế, phí, lệ phí	17.888.310	32.168.552
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	725.630.252	-
- Các khoản chi phí QLDN khác	5.416.593.835	6.055.066.452
Cộng	39.015.353.541	20.385.005.461

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.590.923.535	443.883.785.281
- Chi phí nhân công	60.244.627.020	33.971.036.494
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.243.407.296	8.257.088.628
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.253.215.562	10.097.699.963
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	725.630.252	-
- Chi phí bằng tiền khác	14.322.083.891	13.331.725.374
Cộng	767.654.257.304	509.541.335.740

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.523.176.371	14.885.272.320
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	21.523.176.371	14.885.272.320

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	106.837.159.371	73.819.301.470
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	778.722.484	607.060.130
+ Các khoản điều chỉnh tăng	778.722.484	607.060.130
Chi phí phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng	28.722.484	87.060.130
Thu lao hội đồng quản trị	750.000.000	520.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	107.615.881.855	74.426.361.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	21.523.176.371	14.885.272.320
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	21.523.176.371	14.885.272.320
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	85.313.983.000	58.934.029.150
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	3.703	2.558

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	85.313.983.000	58.934.029.150
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.703	2.558

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	6.683.336.000
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(6.683.336.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao, thưởng	348.000.000	168.000.000
Trần Bửu Trí	Thù lao, thưởng	302.000.000	126.000.000
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	1.121.356.785	530.703.665
Võ Hồng Hà	Thù lao, lương, thưởng	984.200.810	493.256.094
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao, thưởng	274.000.000	114.000.000
Nguyễn Thị Minh Sáu	Thù lao, thưởng	334.000.000	174.000.000
Tổng Trường Thịnh	Thù lao, thưởng	322.000.000	166.000.000
Dương Thị Thùy Hương	Lương, thưởng		434.395.691

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm son. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có (rất ít) doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.
- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 07 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang





BÁO CÁO | 2024 THƯỜNG NIÊN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN THỊ NHUNG

